

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/DS-ST
Ngày: 07-01-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng
Vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Trường Chinh**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Phước Tâm**.

2. Ông **Phan Quốc Tiến**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Trọng Nhân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 678/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 564/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Kim D** - sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Bích T** - sinh năm 1965; Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa, tuy nhiên bà D vắng mặt khi tuyên án)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 17/9/2024, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị Kim D trình bày như sau:

Trước đây, bà Nguyễn Thị Bích T có vay của bà số tiền 200.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Do bà T không rành chữ nghĩa nên ngày 10/8/2022 âm lịch (nhằm ngày 05/9/2022 dương lịch), T có kêu bà viết Tờ cam kết rồi bà T viết tên vào. Nội dung cam kết, bà T thừa nhận có nợ bà số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), bà T đồng ý lãi suất là 01 triệu đồng mỗi tháng đóng 200.000 đồng tức là 02%/tháng. Bà T hứa đúng 02 năm sẽ trả lại tiền cho bà và đóng lãi đầy đủ hàng tháng.

Thấy bạn khó khăn nên bà đi cầm bằng khoán để vay tiền đưa cho bà T mượn lại để lo công việc và trả nợ. Lãi suất 02%/tháng cũng là tiền lãi bà vay tiền của người ta. Từ ngày nhận tiền của bà, bà T không đóng tiền lãi cho bà đúng với thỏa thuận. Thấy hoàn cảnh bà T đang khó khăn và chỗ bạn bè nên tin tưởng bà T1, đến khi bà đến nhà bà T lấy tiền thì bà T nói không còn tiền để trả.

Hiện nay cũng đã đến hạn 02 năm nhưng bà T vẫn chưa trả tiền cho bà theo như hai bên đã cam kết và từ trước đến nay cũng chưa đóng tiền lãi.

Nay bà Lê Thị Kim D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Bích T trả số tiền vay gốc là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, bà D không yêu cầu tính lãi suất.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T trình bày như sau:*

Giữa bà và bà Lê Thị Kim D quen biết do là hàng xóm của nhau, trước đây bà có vay tiền của bà D số tiền 20.000.000 đồng nhưng bà không có tiền trả nợ nên bà D kê lãi lên cộng với số nợ gốc lên đến số tiền là 50.000.000 đồng. Sau đó bà D tham gia chơi hội và hốt hội, bà và bà D thỏa thuận để bà thay mặt bà D đóng hội chết để trừ số tiền vay 30.000.000 đồng, hiện nay bà vẫn còn đóng hội chết thay cho bà D. Nay bà xác định số tiền hiện tại bà còn thiếu của bà D chỉ có 20.000.000 đồng và bà cũng đồng ý trả số tiền này cho bà D.

Đối với Tờ cam kết ngày 10/8/2022 âm lịch mà D đã giao nộp thì bà thừa nhận có ký tên nhưng chữ viết là do bà D tự viết. Lúc bà ký tên thì Tờ cam kết này chỉ là tờ giấy trắng, bà D kêu ký thì bà ký chứ bà cũng không biết nội dung là gì. Bà D nói ký tên là để chốt số tiền hội nên bà cũng tin tưởng ký vào tờ giấy trắng mà bà D đưa. Nay bà D xuất trình tờ cam kết này và yêu cầu bà phải trả số tiền 200.000.000 đồng nên bà không đồng ý, bà xác định số tiền này là không có thật nhưng bà cũng không có gì để chứng minh.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ bao gồm: Bản gốc Tờ cam kết đề ngày 10/8/2022 (âm lịch) và bản sao Căn cước công dân của nguyên đơn. Phía bị đơn giao nộp các tài liệu chứng cứ gồm bản sao tờ giấy ghi “Hội 3.000.000 khai ngày 9/11 âm 2020” có liệt kê 17 phần, bản sao tờ trình của Đào Thị Ngọc H đề ngày 03/01/2025, bản sao tờ giấy đề “ Hội 3.000.000 mở ngày 9/11 âm 2020”. Ngoài ra không còn tài liệu, chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả lại số tiền vay là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, không yêu cầu lãi suất. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện. Do nơi

cư trú bị đơn ở huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Lê Thị Kim D yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T phải có trách nhiệm trả số tiền vay 200.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu đồng), bà D không yêu cầu tính lãi suất. Hội đồng xét xử nhận định:

[4] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp là bản gốc “Tờ cam kết” đề ngày 10/08/2022 (âm lịch) có thể hiện nội dung bà Nguyễn Thị Bích T có mượn của bà Lê Thị Kim D số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng với thời hạn là 02 năm. Đối với “Tờ cam kết” ngày 10/8/2022 âm lịch được lập thành văn bản, có chữ ký của bà Nguyễn Thị Bích T, thể hiện rõ số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 2 năm. Đây là tài liệu gốc và có giá trị pháp lý cao, được nguyên đơn cung cấp và đã được Hội đồng xét xử xem xét.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phía bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T đã được tiếp cận công khai tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn đã giao nộp, bà T thừa nhận có ký tên vào Tờ cam kết đề ngày 10/8/2024 âm lịch mà phía nguyên đơn đã giao nộp nhưng bà T cho rằng bà ký tên vào tờ cam kết thời điểm đó trên tờ giấy không có viết nội dung, có nghĩa là bà T ký tên vào tờ giấy trắng, mục đích ký là để trừ số tiền hui bà T đóng dùm bà D vào số tiền vay trước đó là 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà D xác định không có cho bà T vay số tiền 20.000.000 đồng và cộng cả gốc và lãi lên đến 50.000.000 đồng như bà D trình bày, ngoài ra bà T cũng không có gì chứng minh lời trình bày của mình là có căn cứ.

[6] Việc bà T cho rằng Tờ cam kết do nguyên đơn giao nộp do nguyên đơn tự viết, bà cũng không biết nội dung là gì, thời điểm bà ký tên thì chỉ là tờ giấy trắng nhưng bà D cũng không có gì chứng minh lúc ký tên vào Tờ cam kết chỉ là tờ giấy trắng mà không có ghi bất kỳ nội dung nào. Bà T thừa nhận chữ ký trên “Tờ cam kết” là của mình nhưng lại cho rằng ký trên tờ giấy trắng là mâu thuẫn với chứng cứ cụ thể, không được chứng minh bằng tài liệu, nhân chứng hoặc các căn cứ khác. Điều này không đủ để phủ nhận giá trị của “Tờ cam kết”.

[7] Đối với yêu cầu về lãi suất, nguyên đơn bà Lê Thị Kim D xác định không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[8] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Lê Thị Kim D là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Buộc bà Nguyễn Thị Bích T phải có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Kim D số tiền vay là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim D được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Bà Lê Thị Kim D không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự,

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Kim D. Buộc bà Nguyễn Thị Bích T phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Kim D số tiền vay là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Buộc bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

2.2. Bà Lê Thị Kim D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009329 ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Về Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự,
- VKSND HCL,
- TAND Tỉnh,
- Chi cục THADS HCL,
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Trường Chinh